

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC**  
**KHOA KHOA HỌC XÃ HỘI**

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT**

**HỌC PHẦN**

**CÁC DÂN TỘC Ở VIỆT NAM**

**SỐ TÍN CHỈ: 02**

**MÃ HỌC PHẦN: 124 050**

**Dùng cho ngành: SP Lịch sử**

**Bậc: Đại học**

**THANH HÓA, 7/2019**

### 1. Thông tin về giảng viên:

#### **Họ và tên: Mai Văn Tùng**

- Chức danh, học hàm, học vị: GVCC, Phó Giáo sư, Tiến sĩ
- Thời gian, địa điểm làm việc: Văn phòng Khoa Khoa học Xã hội, tầng 2, nhà A6, Trường ĐH Hồng Đức - 565 Quang Trung, P. Đông Vệ, TP Thanh Hóa.
- Địa chỉ liên hệ: Số nhà 46/16, mặt bằng 7, P. Đông Cương, TP Thanh Hóa.
- Điện thoại: DĐ: 0989 332 443; 0948 210 728; Email: maivantung@hdu.edu.vn
- Thông tin về trợ giảng (nếu có):
- Thông tin về 2 - 4 giảng viên có thể giảng dạy được HP này:

#### **Họ và tên: Đào Thanh Thủy**

- Chức danh, học hàm, học vị: GV, Tiến sĩ
- Thời gian, địa điểm làm việc: Văn phòng Khoa Khoa học Xã hội, tầng 2, nhà A6, Trường ĐH Hồng Đức - 565 Quang Trung, P. Đông Vệ, TP Thanh Hóa.
- Địa chỉ liên hệ: .....TP Thanh Hóa.
- Điện thoại: DĐ: 0912 275 978; Email: [đàothanhtuy@hdu.edu.vn](mailto:đàothanhtuy@hdu.edu.vn)

#### **Họ và tên: Nguyễn Thị Thu Hà**

- Chức danh, học hàm, học vị: GVC, Tiến sĩ
- Thời gian, địa điểm làm việc: Văn phòng Khoa Khoa học Xã hội, tầng 2, nhà A6, Trường ĐH Hồng Đức - 565 Quang Trung, P. Đông Vệ, TP Thanh Hóa.
- Địa chỉ liên hệ: Số nhà 110 Lê Thánh Tông, P. Đông Vệ, TP Thanh Hóa.
- Điện thoại: DĐ: 0936675857; Email: nguyenthithuha@hdu.edu.vn

### 2. Thông tin chung về học phần

- Tên ngành/ khoá đào tạo: ĐHSPLịch sử
- Tên học phần : Các dân tộc ở Việt Nam
- Số tín chỉ : 02
- Học kỳ : 6
- Học phần : Bắt buộc
- Các học phần tiên quyết : Những nguyên lý CB của CN Mác- Lênin
- Các học phần kế tiếp : Theo chương trình đào tạo
- Các học phần tương đương, học phần thay thế (nếu có): Không
- + Nghe giảng lý thuyết : 18 tiết
- + Làm bài tập trên lớp : 0
- + Thảo luận : 24 tiết
- + Thực hành, thực tập : 0
- + Tự học : 90

- Địa chỉ của bộ môn phụ trách học phần: Phòng BM Lịch sử, Khoa Khoa học Xã hội, tầng 1, nhà A5, Trường ĐH Hồng Đức - 565 Quang Trung, P. Đông Vệ, TP Thanh Hóa.
- Email:

### 3. Mô tả nội dung học phần

#### 3.1. Nội dung học phần:

Gồm 3 nội dung chính:

- Những vấn đề chung như: đối tượng và nhiệm vụ nghiên cứu của dân tộc học đối với các dân tộc ở các góc độ: lịch sử tộc người, văn hoá tộc người, kinh tế tộc người, dân số tộc người...
- Phần kiến thức cơ bản bao gồm các vấn đề:
  1. Những vấn đề chung về các dân tộc ở Việt Nam:
  2. Vấn đề lịch sử tộc người, dân số và phân bố dân cư

3. Đặc điểm kinh tế tộc người
4. Đặc điểm xã hội tộc người
5. Đặc điểm văn hoá tộc người
6. Các tộc người thuộc ngữ hệ Nam Á
7. Các tộc người thuộc ngữ hệ Thái
8. Các tộc người thuộc ngữ hệ Hán-Tạng
9. Các tộc người thuộc ngữ hệ Nam Đảo

**3.2. Năng lực đạt được:** Người học phải nắm vững các khối kiến thức cơ bản của nội dung học phần Các dân tộc ở Việt Nam, trên cơ sở đó vận dụng kiến thức đã học vào giải quyết vấn đề cụ thể như:

- Đáp ứng các tiêu chuẩn nghề nghiệp dạy học Lịch sử ở bậc học THCS, THPT; có khả năng tự định hướng, thích nghi với nhu cầu đổi mới của môi trường giáo dục; có năng lực tự học, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm, có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể trong dạy học; có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động dạy học Lịch sử trong phạm vi Lịch sử Việt Nam từ nguyên thủy đến thế kỷ X.

- Có năng lực dẫn dắt về chuyên môn, nghiệp vụ trong dạy học Lịch sử ở bậc trung học phổ thông, có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ giảng dạy, nghiên cứu Lịch sử và quản lý giáo dục; có năng lực tự học, tự nghiên cứu để tích lũy kiến thức, kinh nghiệm nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ sư phạm; có năng lực tự cập nhật thông tin, kiến thức mới về chuyên ngành Lịch sử Việt Nam cổ đại và khoa học giáo dục, có khả năng thích ứng với các yêu cầu đổi mới giáo dục; có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động dạy học Lịch sử, đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ thông thường và chịu trách nhiệm về tính trung thực, khoa học của các kết luận đó.

- Có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề liên quan đến Lịch sử thông thường và một số vấn đề phức tạp về Lịch sử Việt Nam cổ đại và dạy học Lịch sử hiện đại; có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể (trong nhà trường và trong lớp học); có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động giáo dục.

#### 4. Mục tiêu của học phần

Mục tiêu	Mô tả (Học phần này người học đạt được kiến thức, kỹ năng, thái độ)	Chuẩn đầu ra CTĐT
<b>4.1</b>	<b>Mục tiêu chung:</b> Đào tạo cử nhân ngành Sư phạm Lịch sử CLC có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt; có kiến thức cơ bản, sâu rộng, vững chắc về Lịch sử Việt Nam từ nguyên thủy đến thế kỷ X, nhất là phương pháp dạy học lịch sử, có kỹ năng nghiên cứu và giảng dạy Lịch sử ở bậc phổ thông bằng tiếng Việt và tiếng Anh, đáp ứng tốt yêu cầu đổi mới nội dung, phương pháp dạy học ở trường phổ thông hiện nay; có khả năng tiếp tục tự học, tự bồi dưỡng, hoàn thiện năng lực chuyên môn và kỹ năng nghề nghiệp ở trình độ cao hơn. Có đủ khả năng tiếp tục học tập và nghiên cứu chuyên môn ở trình độ thạc sĩ và tiến sĩ ở trong và ngoài nước.	Cử nhân SP Lịch sử có chất lượng cao, có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt,... đáp ứng tốt công việc giảng dạy lịch sử ở bậc phổ thông hiện nay...
<b>4.2</b>	<b>Mục tiêu cụ thể:</b>	
4.2.1	<b>Về kiến thức:</b> - Vận dụng tốt kiến thức giáo dục đại cương vào việc dạy học Lịch sử Việt Nam từ nguyên thủy đến thế kỷ X các bậc học theo chương trình đào tạo. - Sử dụng tốt các kiến thức cơ bản của khoa học Lịch sử Việt Nam	Biết vận dụng tốt kiến thức ngành với các kiến thức liên ngành và

	<p>từ nguyên thủy đến thế kỷ X phục vụ dạy học Lịch sử trong chương trình giáo dục Trung học cơ sở, Trung học phổ thông và nghiên cứu khoa học phục vụ dạy học.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Vận dụng tốt kiến thức về khoa học Lịch sử, giáo dục học và phương pháp giảng dạy bộ môn trong các hoạt động giảng dạy Lịch sử Việt Nam từ nguyên thủy đến thế kỷ X và thành công trong nghề nghiệp;</li> <li>- Có trình độ ngoại ngữ (Tiếng Anh) bậc 4/6 Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam theo Thông tư 01/2014/TT-BGDĐT và có trình độ tiếng Anh chuyên ngành để giảng dạy Lịch sử Việt Nam từ nguyên thủy đến thế kỷ X ở bậc THPT, THCS bằng tiếng Anh; có trình độ và kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo Quy định hiện hành của Bộ Thông tin và Truyền thông trong dạy học Lịch sử Việt Nam từ nguyên thủy đến thế kỷ X ở trường phổ thông.</li> </ul>	ngoại ngữ (tiếng Anh).
4.2.2	<p><i>Về kỹ năng:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có kỹ năng sư phạm cao để đảm bảo yêu cầu đổi mới nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức dạy và học, kiểm tra đánh giá kết quả giáo dục dạy học môn lịch sử ở trường phổ thông nói chung, cụ thể là Lịch sử Việt Nam từ nguyên thủy đến thế kỷ X, đáp ứng yêu cầu về chất lượng, hiệu quả của sự nghiệp giáo dục. Có kỹ năng đổi mới, tự bổ túc, tự nghiên cứu để nâng cao trình độ, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của xã hội.</li> <li>- Kỹ năng nghiên cứu, biên soạn lịch sử ở trình độ đại học.</li> <li>- Có kỹ năng làm việc theo nhóm, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng thuyết trình tốt.</li> <li>- Có kỹ năng thích ứng nhanh, khả năng tìm kiếm, thay đổi nghề nghiệp</li> <li>- Có các kỹ năng đánh giá chất lượng dạy học Lịch sử cơ bản và nâng cao, có khả năng sư phạm để tổ chức dạy học môn Lịch sử bằng tiếng Việt và tiếng Anh theo hướng phát huy tính tích cực nhận thức của học sinh và áp dụng các phương pháp dạy học tiên tiến.</li> <li>- Có khả năng giảng dạy tốt Lịch sử Việt Nam từ nguyên thủy đến thế kỷ X theo chương trình mới đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung và phương pháp dạy và học theo hướng phát huy năng lực của học sinh ở trường trung học phổ thông, giảng dạy tốt Lịch sử chuyên cấp đội tuyển tỉnh, quốc gia, CĐ và ĐH.</li> </ul>	Đạt được các kỹ năng sư phạm, nghiên cứu, khả năng giảng dạy tốt LSVN...
4.2.3	<p><i>Về thái độ:</i></p> <p>Yêu nước, trân quý những giá trị lịch sử dân tộc, yêu học sinh, yêu nghề, có ý thức trách nhiệm cao, có đạo đức tốt, có tác phong mẫu mực của người giáo viên, có nhu cầu tự học nâng cao trình độ và phát triển nghề nghiệp thích ứng với sự biến đổi không ngừng của môi trường giáo dục trong các tình huống thực tế, quan tâm tới sự phát triển kinh tế, xã hội của đất nước.</p>	Có tinh thần yêu nước, yêu nghề... vì sự phát triển của quốc gia, dân tộc.

### 5. Chuẩn đầu ra học phần

TT	Kết quả mong muốn đạt được	Mục tiêu	Chuẩn đầu ra CTĐT
1	Đào tạo giáo viên Trung học phổ thông ngành Sư phạm Lịch sử có phẩm chất chính trị, đạo đức, sức khỏe tốt; Có		Có kiến thức

	<p>kiến thức nền tảng bổ trợ cần thiết của khoa học tự nhiên, khoa học xã hội và nhân văn, ngoại ngữ, tin học, pháp luật; Có kiến thức chuyên sâu về Lịch sử Việt Nam từ nguyên thủy đến thế kỷ X, khoa học giáo dục và khoa học phương pháp dạy học Lịch sử; Có năng lực sư phạm thành thạo đảm bảo thực hiện các nhiệm vụ giảng dạy, nghiên cứu, quản lí giáo dục ở trường phổ thông và các cơ sở giáo dục trong cả nước; Có khả năng tự học, tự nghiên cứu để phát triển ở trình độ đào tạo cao hơn.</p>	<p>chuyên sâu về Lịch sử Việt Nam từ nguyên thủy đến thế kỷ X, khoa học giáo dục và khoa học phương pháp dạy học Lịch sử</p>
<p><b>2</b></p>	<p><b>1. Chuẩn năng lực người học đạt được sau khi tốt nghiệp</b>  <b>1.1. Kiến thức:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nắm vững kiến thức các học phần tiên quyết - Những nguyên lý CB của CN Mác - Lênin; Đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước về giáo dục và đào tạo.</li> <li>- Nắm vững kiến thức cơ sở và <i>chuyên sâu</i> về Lịch sử Việt Nam từ nguyên thủy đến thế kỷ X.</li> <li>- Nắm vững phương pháp nghiên cứu chuyên sâu trong Lịch sử Việt Nam từ nguyên thủy đến thế kỷ X; nắm vững nguyên lý lịch sử vận dụng kiến thức lịch sử vào giải quyết một số vấn đề thực tiễn.</li> <li>- Nắm <i>chắc</i> kiến thức về nghiệp vụ sư phạm, bao gồm: Tâm lí học, Giáo dục học, Lí luận và phương pháp dạy học lịch sử để thực hiện tốt nhiệm vụ giảng dạy lịch sử và giáo dục học sinh.</li> <li>- Có trình độ ngoại ngữ (Tiếng Anh) <i>bậc 4/6 Khung</i> năng lực ngoại ngữ Việt Nam theo Thông tư 01/2014/TT-BGDĐT và có kỹ năng <i>thành thạo</i> sử dụng công nghệ thông tin cơ bản và <i>nâng cao</i> theo Quy định hiện hành của Bộ Thông tin và Truyền thông trong dạy Lịch sử Việt Nam từ nguyên thủy đến thế kỷ X ở trường phổ thông và <i>trong nghiên cứu khoa học</i>.</li> </ul> <p><b>1.2. Kỹ năng:</b>  <b>Kỹ năng cứng:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có kỹ năng sư phạm <i>giỏi</i>, có khả năng vận dụng tri thức <i>nhuần nhuyễn</i> và kỹ năng nghiệp vụ <i>thành thạo</i> trong dạy học Lịch sử Việt Nam từ nguyên thủy đến thế kỷ X ở các trường THPT, <i>các lớp chuyên sử, TCCN, Cao đẳng</i> đáp ứng mục tiêu giáo dục.</li> <li>- Có khả năng giám sát và đánh giá khách quan, chính xác kết quả học tập của học sinh, hơn nữa có khả năng thay đổi linh hoạt các phương pháp đánh giá khách quan phù hợp với từng đối tượng học sinh và điều kiện giảng dạy; có khả năng phân loại và lựa chọn học sinh có năng lực thi THPT quốc gia và thành lập đội tuyển thi học sinh giỏi. Có khả năng bồi dưỡng đội tuyển thi học sinh giỏi môn Lịch sử các cấp.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hiểu và vận dụng được các kiến thức cơ bản về Triết học, Kinh tế chính trị Mác-Lê Nin, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam, Tư tưởng HCM, pháp luật Việt Nam để có được nhận thức và hành động đúng đắn trong cuộc sống, học tập và lao động nghề nghiệp</li> <li>- Có kỹ năng sư phạm <i>giỏi</i>, có khả năng vận dụng tri thức <i>nhuần nhuyễn</i> và</li> </ul>

<ul style="list-style-type: none"> <li>- Có khả năng vận dụng những thành tựu mới trong lĩnh vực chuyên môn, nghiệp vụ của mình vào thực tiễn dạy học ở trường phổ thông.</li> <li>- Có khả năng nghiên cứu <i>chuyên sâu</i> về Lịch sử Việt Nam từ nguyên thủy đến thế kỷ X.</li> <li>- Có khả năng tự học, nghiên cứu khoa học <i>độc lập</i> và làm việc theo nhóm, thể hiện ở khả năng phối hợp thực hiện các đề tài, dự án, sáng kiến kinh nghiệm; có kỹ năng thuyết trình, viết báo cáo, trình bày và bảo vệ kết quả nghiên cứu, sáng kiến kinh nghiệm bằng tiếng Việt và <i>tiếng Anh</i>.</li> <li>- Hướng dẫn học sinh tra cứu tài liệu quốc tế về chuyên môn Lịch sử Việt Nam từ nguyên thủy đến thế kỷ X bằng tiếng Anh và tìm kiếm những thông tin mới.</li> </ul> <p><b>Kỹ năng mềm:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kỹ năng tự học, tư duy sáng tạo, phân tích tổng hợp và vận dụng sáng tạo kiến thức được học ở <i>mức khá</i> để giải quyết vấn đề gặp phải.</li> <li>- Kỹ năng phân tích tổng hợp và đánh giá một <i>cách toàn diện</i> các vấn đề giáo dục ở tầm vĩ mô và vi mô.</li> <li>- Kỹ năng giao tiếp, lắng nghe, trình bày, thảo luận và thuyết phục người khác <i>lưu loát</i>.</li> <li>- Có kỹ năng <i>làm chủ nhóm</i> và làm việc độc lập để hoàn thành công việc.</li> <li>- Có kỹ năng tìm kiếm thông tin, xử lý thông tin và đưa ra nhận xét phù hợp về thông tin cần tìm.</li> <li>- Có kỹ năng trao đổi học thuật chuyên môn với các chuyên gia về lĩnh vực chuyên môn Lịch sử Việt Nam trước thế kỷ X.</li> </ul> <p><b>1.3. Kỹ năng giao tiếp và kỹ năng CNTT truyền thông</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có thể giao tiếp bằng tiếng Anh hầu hết các tình huống về Lịch sử thông thường; có kỹ năng ngoại ngữ ở mức có thể hiểu được một báo cáo về ngành Lịch sử hay bài phát biểu về hầu hết các chủ đề trong công việc liên quan đến ngành Lịch sử; có thể viết báo cáo liên quan đến chuyên môn Lịch sử; có thể trình bày rõ ràng các ý kiến và phản biện một vấn đề Lịch sử bằng Tiếng Anh; Đạt bậc 4 (B2) trong khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc.</li> <li>- <i>Có khả năng giảng dạy và giải bài tập Lịch sử bằng tiếng Anh.</i></li> <li>- Sử dụng công nghệ thông tin <i>thành thạo</i> trong khai thác Internet; các phần mềm tin học cơ bản trong soạn thảo văn bản, thiết kế bài giảng điện tử phục vụ công tác, giảng dạy và nghiên cứu khoa học.</li> <li>- Khả năng nghiên cứu <i>tốt</i>, sử dụng <i>thành thạo</i> có hiệu quả các phương tiện dạy học.</li> <li>- Đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định hiện hành về Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin do Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành.</li> <li>- Vận dụng linh hoạt công nghệ thông tin vào bài giảng</li> </ul>	<p>kỹ năng nghiệp vụ <i>thành thạo</i> trong dạy học Lịch sử Việt Nam từ nguyên thủy đến thế kỷ X ở các trường THPT, <i>các lớp chuyên sử, TCCN, Cao đẳng</i> đáp ứng mục tiêu giáo dục.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có kỹ năng tự học, tư duy sáng tạo, phân tích tổng hợp và vận dụng sáng tạo kiến thức được học để giải quyết vấn đề gặp phải.</li> <li>- Có khả năng giảng dạy và giải bài tập Lịch sử bằng tiếng Anh; Có thể giao tiếp bằng tiếng Anh hầu hết các tình huống về Lịch sử thông thường</li> <li>- Chấp hành nghiêm chỉnh chủ trương,</li> </ul>
---	--

	<p>để nâng cấp chất lượng giờ dạy.</p> <p><b>1.4. Thái độ:</b></p> <p>Chấp hành nghiêm chỉnh chủ trương, đường lối chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, quy chế giáo dục đào tạo; Có thái độ cầu thị, chủ động học tập rèn luyện nâng cao trình độ lí luận chính trị vận dụng vào hoạt động giảng dạy, hoạt động giáo dục đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ của người giáo viên; Tham gia tích cực các hoạt động chính trị xã hội, các lớp học tập nghiên cứu các Nghị quyết của Đảng, chủ trương quan điểm đổi mới của ngành giáo dục; Sẵn sàng thích ứng với những biến đổi của môi trường nghề nghiệp, cuộc sống lao động, sáng tạo trong nền kinh tế thị trường và xu thế hội nhập toàn cầu.</p>		đường lối chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, quy chế giáo dục đào tạo
3.	<p><b>Khả năng đáp ứng cơ hội nghề nghiệp (của người tốt nghiệp)</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giảng dạy Lịch sử ở các cấp THCS, THPT, <i>THPT song ngữ, THPT Chuyên</i>, TCCN, cao đẳng.</li> <li>- Làm việc ở các cơ quan khoa học, nghiên cứu liên quan đến Lịch sử.</li> <li>- Làm cán bộ quản lí giáo dục ở các Sở, Ban ngành.</li> </ul>		
4	<p><b>Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tiếp tục tự học tập hoàn thiện kiến thức, kỹ năng để trở thành giáo viên giỏi, cán bộ giỏi, <i>tiếp tục học tập ở các trường đại học nước ngoài.</i></li> <li>- Tham gia nghiên cứu khoa học nhằm nâng cao năng lực làm việc.</li> <li>- Tiếp tục tham gia học tập nâng cao trình độ lên thạc sĩ, tiến sĩ các chuyên ngành Lịch sử và <i>các chuyên ngành gần khác.</i></li> <li>- Học văn bằng hai ở các ngành phù hợp.</li> <li>- <i>Tiếp tục học tập rèn luyện để có thể giảng dạy tốt Lịch sử ở các nước sử dụng tiếng Anh.</i></li> </ul>		

## 6. Nội dung chi tiết học phần

### Nội dung 1: Những vấn đề chung về các dân tộc ở Việt Nam

1. Xung quanh việc sử dụng khái niệm dân tộc ở Việt Nam
  - 1.1. Dân tộc được hiểu là một cộng đồng cư dân sống trên một lãnh thổ quốc gia.
  - 1.2. Dân tộc được hiểu là nhân dân.
  - 1.3. Khái niệm dân tộc dùng để chỉ các tộc người.
  - 1.4. Dân tộc còn được dùng trong ý nghĩa chỉ những người không thuộc thành phần đa số.
  - 1.5. Cần thống nhất cách gọi và viết đúng các tộc người theo Bảng danh mục năm 1979 là một nguyên tắc.
2. Xung quanh các tiêu chí xác định tộc người
  - 2.1. Tiêu chí ngôn ngữ
  - 2.2. Lãnh thổ tộc người
  - 2.3. Cơ sở kinh tế của tộc người
  - 2.4. Các đặc trưng sinh hoạt - văn hoá và ý thức tự giác tộc người

## 2.5. Cùng nguồn gốc lịch sử (TQ)

### 3. Đối tượng, nhiệm vụ và mục đích nghiên cứu của học phần

#### 3.1. Đối tượng nghiên cứu

#### 3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

#### 3.3. Mục đích nghiên cứu

### **Nội dung 2: Điều kiện tự nhiên, lịch sử tộc người, dân số và phân bố dân cư**

#### 1. Điều kiện tự nhiên

##### 1.1. Miền núi Đông Bắc

##### 1.2. Miền núi Tây Bắc

##### 1.3. Vùng Trường Sơn-Tây Nguyên

#### 2. Đặc điểm của lịch sử tộc người

##### 2.1. Ở miền Bắc

##### 2.2. Ở miền Nam

##### 2.3. Các tộc người bản địa và phi bản địa

#### 3. Dân số và phân bố tộc người

#### 4. Những biến đổi hiện nay

### **Nội dung 3: Đặc điểm kinh tế truyền thống các dân tộc ở Việt Nam**

#### 1. Các loại hình kinh tế truyền thống

##### 1.1. Hoạt động nông nghiệp

- Canh tác nương rẫy

- Canh tác ruộng nước

- Chăn nuôi truyền thống

- Canh tác vườn

##### 1.2. Hoạt động kinh tế bổ trợ

- Thủ công nghiệp

- Kinh tế tự nhiên (Săn bắt, hái lượm)

#### 2. Vị trí của kinh tế truyền thống của các tộc người

#### 3. Những biến đổi của kinh tế trong thời kỳ hiện đại

##### 3.1. Mặt tích cực

##### 3.2. Mặt hạn chế

### **Nội dung 4: Đặc điểm xã hội truyền thống các dân tộc ở Việt Nam**

#### 1. Các tộc người thiểu số ở phía Bắc

##### 1.1. Ở vùng 1

##### 1.2. Ở vùng 2

#### 2. Các tộc người thiểu số ở phía Nam

##### 2.1. Các tộc người ở Trường Sơn-Tây Nguyên

##### 2.2. Các tộc người ở đồng bằng

#### 3. Đặc điểm xã hội của người Kinh (Việt)

#### 4. Những biến đổi hiện nay

##### 4.1. Thiết chế làng xã, bản mường

##### 4.2. Quan hệ dòng họ

##### 4.3. Quan hệ hôn nhân

##### 4.4. Chế độ xã hội (mẫu/phụ hệ)

### **Nội dung 5: Đặc điểm văn hoá truyền thống các dân tộc ở Việt Nam**

#### 1. Xung quanh khái niệm văn hoá và văn hoá tộc người

##### 1.1. Tổng quan nội hàm khái niệm văn hoá

##### 1.2. Văn hoá tộc người

#### 2. Đặc điểm văn hoá sản xuất

##### 2.1. Hệ thống nông cụ

##### 2.2. Hệ thống cây trồng (bộ giống)

##### 2.3. Vai trò của cây lúa nước



#### 2.4. Hệ thống thủy lợi

### 3. Đặc điểm văn hoá bảo đảm đời sống

#### 3.1. Văn hoá ẩm thực

#### 3.2. Văn hoá ở

#### 3.3. Văn hoá mặc

#### 3.4. Phương tiện đi lại và vận chuyển

### 4. Đặc điểm văn hoá chuẩn mực xã hội

#### 4.1. Quan hệ chuẩn mực trong gia đình

#### 4.2. Các phong tục tập quán có liên quan đến sinh đẻ và nuôi con

#### 4.3. Các phong tục tập quán trong hôn nhân, cưới xin

#### 4.4. Các quy tắc xã hội về ma chay, cúng bái

### 5. Đặc điểm văn hoá nhận thức

#### 5.1. Quan niệm về linh hồn, về cái chết

#### 5.2. Quan niệm về tổ tiên (nguồn gốc)

#### 5.3. Các lễ hội và lễ nghi có liên quan đến nông nghiệp

#### 5.4. Nhận thức tự nhiên và xã hội qua văn hóa dân gian (folklore)

### **Nội dung 6: Các tộc người thuộc ngữ hệ Nam Á ở Việt Nam**

#### 1. Nhóm ngôn ngữ Việt-Mường: 4 ngôn ngữ

##### 1.1. Người Việt (Kinh)

##### 1.2. Người Mường

##### 1.3. Người Thổ

##### 1.4. Người Chứt

#### 2. Nhóm ngôn ngữ Môn-Khmer : 21 ngôn ngữ

##### 2.1. Người Khmer

##### 2.2. Người Khomú

##### 2.3. Người Bana

2.4. Người Mnông, Xơđăng, Coho, H'rê, Hmông, Xtiêng, Bru-Vân kiều, Cotu, Tà ôi, Ma, Co, Gié-triêng, Xinhmun, Choro, Mảng, Kháng, Romăm, Ođu, Brâu.

#### 3. Nhóm ngôn ngữ Mông-Đao (Mèo-Đao): 3 ngôn ngữ

##### 3.1. Người Hmông

##### 3.2. Người Đao

##### 3.3. Pà thên.

#### 4. Nhóm hỗn hợp: 4 ngôn ngữ

##### 4.1. Người La chí

##### 4.2. Người La ha, Cơ lao, Pu péo

### **Nội dung 7: Các tộc người thuộc ngữ hệ Thái ở Việt Nam**

#### 1. Người Thái

##### 1.1. Lịch sử cư trú và tộc danh

##### 1.2. Văn hoá sản xuất

##### 1.3. Thiết chế xã hội bản - mường

##### 1.4. Văn hoá vật chất

##### 1.5. Gia đình, dòng họ

##### 1.6. Văn hoá tinh thần

#### 2. Người Tày

#### 3. Người Nùng

#### 4. Người Sán Chay (Cao Lan-Sán Chỉ)

#### 5. Người Giáy

#### 6. Người Lào

#### 7. Người Lự

#### 8. Người Bố Y

### **Nội dung 8: Các tộc người thuộc ngữ hệ Hán-Tạng**

1. Nhóm ngôn ngữ Hoa (Hán) (có 3 ngôn ngữ): Hoa (Hán), Sán Dìu, Ngái.
  - 1.1. Người Hoa
  - 1.2. Người Sán Dìu, Ngái
2. Nhóm ngôn ngữ Tạng-Miền (có 6 ngôn ngữ): Hà Nhì, Phù Lá, La Hủ, Lô lô, Công, Si La.
  - 2.1. Người Hà Nhì
  - 2.2. Người Lô lô
  - 2.3. Người Phù Lá
  - 2.4. Người La Hủ, Công, Si La

### **Nội dung 9: Các tộc người thuộc ngữ hệ Nam Đảo**

Các tộc người thuộc ngữ hệ Nam Đảo: (Malayô-Pôlinêdi) (có 5 ngôn ngữ): Giarai, Êđê, Chăm (Chàm), Raglai, Churu.

1. Người Chăm
  - 1.1. Lịch sử cư trú và tộc danh
  - 1.2. Văn hoá sản xuất
  - 1.3. Thiết chế xã hội bản - mường
  - 1.4. Văn hoá vật chất
  - 1.5. Gia đình, dòng họ
  - 1.6. Văn hoá tinh thần
2. Người Gia rai
3. Người Ê đê
4. Raglai, Churu

## **7. Học liệu:**

### **7.1. Học liệu bắt buộc**

1. Đặng Nghiêm Vạn (2003), *Cộng đồng quốc gia dân tộc Việt Nam*, Nxb Đại học Quốc gia TP HCM.

### **7.2. Học liệu tham khảo**

1. Viện Dân tộc học (2014, *tái bản có sửa chữa, bổ sung*), *Các dân tộc ít người ở Việt Nam* (các tỉnh phía Bắc), Nxb Khoa học xã hội.
2. Viện Dân tộc học (2014, *tái bản có sửa chữa, bổ sung*), *Các dân tộc ít người ở Việt Nam* (các tỉnh phía Nam) Nxb Khoa học xã hội.
3. Lê Sỹ Giáo (chủ biên) (2007), *Dân tộc học đại cương*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.

## 8. Hình thức tổ chức tổ chức dạy học

### 8.1. Lịch trình chung:

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học							Tổng
	Lí thuyết	Bài tập/Thảo luận	Thực hành	Khác (điền giả, thực tế)	Tự học, tự nghiên cứu	Tư vấn của giáo viên	KT ĐG	
Nội dung 1	2	1			10			13
Nội dung 2	2	2			10			14
Nội dung 3	2	2	1		10			15
Nội dung 4	2	2	1		10		1	15
Nội dung 5	2	2			10			14
Nội dung 6	2	2	1		10			15
Nội dung 7	2	2			10		1	15
Nội dung 8	2	3	1		10			16
Nội dung 9	2	1			10			13
Tổng	18t	17t	5		90		2	140